



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

MILINDAPAÑHAPĀḲI

&

MILINDA VẤN ĐẠO

7. SADDHAMMANTARADHĀNAPAÑHO

1. “Bhante nāgasena, bhāsitampetaṃ bhagavatā: ‘Pañceva ’dāni ānanda vassasatāni saddhammo ṭhassatī ’ti. Puna ca parinibbāna-samaye subhaddena paribbājakena pañhaṃ puṭṭhena bhagavatā bhaṇitaṃ: ‘Ime ca subhadda bhikkhū sammā vihareyyuṃ asuñño loko arahantehi assā ’ti. Asesavacanametam nissesavacanametam nippariyāyavacanametam. Yadi bhante nāgasena tathāgatena bhaṇitaṃ: ‘Pañceva ’dāni ānanda vassasatāni saddhammo ṭhassatī ’ti, tena hi: ‘Asuñño loko arahantehi assā ’ti yaṃ vacanaṃ taṃ micchā. Yadi tathāgatena bhaṇitaṃ: ‘Asuñño loko arahantehi assā ’ti, tena hi: ‘Pañceva ’dāni ānanda vassasahassāni saddhammo ṭhassatī ’ti tampi vacanaṃ micchā. Ayampi ubhatokoṭiko pañho tavānuppatto, gahanato ’pi gahanataro, balavato ’pi balavataro, gaṇṭhito ’pi gaṇṭhitaro. Tattha te ñāṇabalavipphāraṃ dassehi makaro viya sāgarabbhantaragato ”ti.

2. “Bhāsitampetaṃ mahārāja bhagavatā: ‘Pañceva ’dāni ānanda vassasatāni saddhammo ṭhassatī ’ti. Parinibbānasamaye ca subhaddassa paribbājakassa bhaṇitaṃ: ‘Ime ca subhadda bhikkhū sammā vihareyyuṃ, asuñño loko arahantehi assā ’ti. Tañca pana mahārāja bhagavato vacanaṃ nānatthañca hoti nānābyañjanañca. Ayaṃ sāsanaparicchedo. Ayaṃ paṭipattiparidīpanā. Iti dūraṃ vivajjitā te ubho aññamaññaṃ. Yathā mahārāja nabhaṃ paṭhavito dūraṃ vivajjitaṃ, nirayaṃ saggato dūraṃ vivajjitaṃ, kusalaṃ akusalato dūraṃ vivajjitaṃ, sukhaṃ dukkhato dūraṃ vivajjitaṃ, evameva kho mahārāja te ubho aññamaññaṃ dūraṃ vivajjitā. Api ca mahārāja mā te pucchā moghā assu. Rasato te saṃsandetvā kathayissāmi. **‘Pañceva ’dāni ānanda vassasatāni saddhammo ṭhassatī ’ti yaṃ bhagavā āha, taṃ khayaṃ paridīpayanto sesakaṃ paricchindi: ‘Vassasahassaṃ ānanda saddhammo tiṭṭheyya sace bhikkhuniyo na pabbājeyyuṃ. Pañceva ’dāni ānanda vassasatāni saddhammo ṭhassatī ’ti. Api nu kho mahārāja bhagavā evaṃ vadanto saddhammassa antaradhānaṃ vā vadeti abhisamayaṃ vā paṭikkosati ’ti?**

“Na hi bhante ”ti.

“Naṭṭhaṃ mahārāja parikittayanto sesakaṃ paridīpayanto paricchindi. Yathā mahārāja puriso naṭṭhāyiko sāvasesakaṃ gahetvā janassa paridīpeyya ‘ettakaṃ me bhaṇḍaṃ naṭṭhaṃ, idaṃ sesakan ’ti, evameva kho mahārāja bhagavā naṭṭhaṃ paridīpayanto sesakaṃ devamanussānaṃ kathesi ‘pañceva ’dāni ānanda vassasatāni saddhammo ṭhassatī ’ti.

7. CÂU HỎI VỀ SỰ BIẾN MẤT CỦA CHÁNH PHÁP:

1. “Thưa ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: ‘Này Ānanda, giờ đây Chánh Pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm.’ Và thêm nữa, vào thời điểm viên tịch Niết Bàn, được hỏi bởi du sĩ ngoại đạo Subhadda, đức Thế Tôn đã nói rằng: ‘Này Subhadda, nếu các tỳ khuru này sống chân chánh, thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán.’ Đây là lời nói không thiếu sót, đây là lời nói đầy đủ, đây là lời nói không thay đổi. Thưa ngài Nāgasena, nếu đức Thế Tôn đã nói rằng: ‘Này Ānanda, giờ đây Chánh Pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm.’ như thế thì lời nói rằng: ‘Thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán’ là sai trái. Nếu đức Thế Tôn đã nói rằng: ‘Thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán,’ như thế thì lời nói rằng: ‘Này Ānanda, giờ đây Chánh Pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm’ cũng là sai trái. Câu hỏi này có cả hai khía cạnh, bị rối rắm còn hơn bụi rậm, mạnh mẽ hơn người lực sĩ, bị thất bại còn hơn nút thắt, nó được dành cho ngài. Ở đây, xin ngài hãy thể hiện sự triển khai về năng lực trí tuệ của ngài như là con kinh ngư di chuyển ở giữa biển khơi.”

2. “Tâu đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: ‘Này Ānanda, giờ đây Chánh Pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm.’ Và vào thời điểm viên tịch Niết Bàn, có lời đã được nói cho du sĩ ngoại đạo Subhadda rằng: ‘Này Subhadda, nếu các tỳ khuru này sống chân chánh, thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán.’ Tâu đại vương, hơn nữa lời nói ấy của đức Thế Tôn là có ý nghĩa khác nhau và có văn tự khác nhau. Điều này là giới hạn của Giáo Pháp, điều kia là sự làm sáng tỏ về việc thực hành. Cả hai điều ấy là cách biệt xa vời với nhau. Tâu đại vương, giống như bầu không gian là cách biệt xa vời với trái đất, địa ngục là cách biệt xa vời với cõi trời, thiện là cách biệt xa vời với bất thiện, lạc là cách biệt xa vời với khổ. Tâu đại vương, tương tự y như thế cả hai điều ấy là cách biệt xa vời với nhau. Tâu đại vương, tuy nhiên chớ làm cho câu hỏi của ngài là vô bổ. Tôi sẽ so sánh và giảng giải cho ngài về phần cốt yếu. Điều mà đức Thế Tôn đã nói rằng: ‘**Này Ānanda, giờ đây Chánh Pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm,**’ trong khi làm sáng tỏ sự hoại diệt ấy Ngài đã xác định phần còn lại rằng: ‘**Này Ānanda, Chánh Pháp có thể tồn tại một ngàn năm nếu các tỳ khuru ni không xuất gia. Này Ānanda, giờ đây Chánh Pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm.**’ Tâu đại vương, đức Thế Tôn trong khi nói như vậy phải chăng Ngài nói về sự biến mất của Chánh Pháp hay là Ngài bác bỏ về sự lãnh hội?”

“Thưa ngài, không phải vậy.”

“Tâu đại vương, trong khi công bố về việc bị tiêu hoại, trong khi làm sáng tỏ, Ngài đã xác định phần còn lại. Tâu đại vương, giống như người bị phá sản, sau khi nắm chắc phần còn lại, có thể làm sáng tỏ đối với dân chúng rằng: ‘Phần hàng hóa của tôi bị mất mát là chừng này, đây là phần còn lại.’ Tâu đại vương, tương tự y như thế đức Thế Tôn, trong khi làm sáng tỏ việc bị tiêu hoại, đã thuyết giảng cho chư Thiên và nhân loại rằng: ‘Này Ānanda, giờ đây Chánh Pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm.’”

Yampana mahārāja bhagavatā bhaṇitaṃ: **‘pañceva ’dāni ānanda vassasatāni saddhammo ṭhassatī** ’ti, sāsana-paricchedo eso. Yaṃ pana parinibbānasamaye subhaddassa paribbājakassa samaṇe parikittayanto āha: **‘Ime ca subhadda bhikkhū sammā vihareyyuṃ asuñño loko arahantehi assā** ’ti, paṭipattiparidīpanā esā. Tvampana taṃ paricchedaṇca paridīpanaṇca ekarasam karosi. Yadi pana te chando, ekarasam katvā kathayissāmi, sādhuṃ suṇohi manasikarohi avikkhittamānaso.¹ Idha mahārāja taḷāko bhavēyya navasalilasampuṇṇo sammukhamuttariyamāno paricchinnō parivaṭumakato, aperiyaḍinne yeva tasmim taḷāke udakūpari mahāmegho aparāparam anuppabaddho² abhivasseyya. Api nu kho mahārāja tasmim taḷāke udakaṃ parikkhayaṃ pariyādānaṃ gaccheyyā ”ti?

“Na hi bhante ”ti.

“Kena mahārāja kāraṇena ”ti?

“Meghassa bhante anuppabaddhatāyā ”ti.

“Evameva kho mahārāja jinasāsanavarasaddhammataḷāko ācārasīlaguṇavattapaṭipattivimalanavasalilasampuṇṇo uttariyamāno bhavaggam-abhibhavitvā ṭhito. Yadi tattha buddhaputtā ācārasīlaguṇavattapaṭipattimēghavassaṃ aparāparam anuppabandhāpeyyuṃ abhivassāpeyyuṃ, evamidaṃ jinasāsanavarasaddhammataḷāko ciraṃ dīghamaddhānaṃ tiṭṭheyya, arahantehi ca loko asuñño bhavēyya. Imamatthaṃ bhagavatā sandhāya bhāsitaṃ: **‘Ime ca subhadda bhikkhū sammā vihareyyuṃ, asuñño loko arahantehi assā** ’ti.

3. Idha pana mahārāja mahati aggikkhandhe jalamāne aparāparam sukkhataṇakattagomayāni upasaṃhareyyuṃ. Api nu kho so mahārāja aggikkhandho nibbāyeyyā ”ti?

“Na hi bhante. Bhiyyo³ so aggikkhandho jaleyya, bhiyyo bhiyyo pabhāseyyā ”ti.

“Evameva kho mahārāja dasasahassiyā⁴ lokadhātuyā jinasāsanavaram ācārasīlaguṇavattapaṭipattiyā jalati pabhāsati. Yadi pana mahārāja taduttariṃ buddhaputtā pañcahi padhāniyaṅgehi samannāgatā satatamappamattā padaheyyuṃ, tisu sikkhāsu chandajātā sikkheyyuṃ, cārittaṇca vārittaṇca⁵ sīlaṃ samattaṃ paripūreyyuṃ, evamidaṃ jinasāsanavaram bhiyyo bhiyyo ciraṃ dīghamaddhānaṃ tiṭṭheyya, asuñño loko arahantehi assā ’ti. Imamatthaṃ bhagavatā sandhāya bhāsitaṃ: **‘Ime ca subhadda bhikkhū sammā vihareyyuṃ, asuñño loko arahantehi assā** ’ti.

¹ avimanamānaso - PTS; avicalamānaso - Sīmu.

² anukhandhanto - Sīmu.

³ bhiyyo bhiyyo - Ma, PTS.

⁴ dasasahassimhi - Sīmu.

⁵ vārittaṇca - itisaddo Ma potthake na dissate.

Tâu đại vương, tuy nhiên điều đã được nói bởi đức Thế Tôn rằng: **‘Này Ānanda, giờ đây Chánh Pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm;’** điều ấy là giới hạn của Giáo Pháp. Còn điều mà vào thời điểm viên tịch Niết Bàn, trong lúc công bố cho các vị Sa-môn, Ngài đã nói cho du sĩ ngoại đạo Subhadda rằng: ‘Này Subhadda, nếu các tỳ khuru này sống chân chánh, thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán;’ điều ấy là sự làm sáng tỏ về việc thực hành. Hơn nữa, ngài đã khiến cho sự giới hạn và sự làm sáng tỏ trở thành có chung điều cốt yếu. Nếu ngài có sự mong muốn, tôi sẽ thuyết giảng. Xin ngài hãy chăm chú lắng nghe, hãy chú ý với tâm không bị xao lãng. Tâu đại vương, ở đây có hồ nước tràn đầy nước mới, trong khi sẽ tràn bờ thì đã được giới hạn lại, đã được làm con đê bao quanh, khi nước ở chính cái hồ ấy chưa bị tháo cạn, có đám mây lớn ở phía trên tuần tự đổ mưa liên tục. Tâu đại vương, phải chăng nước ở hồ nước ấy có thể đi đến sự cạn kiệt, đi đến sự tháo cạn?”

“Thưa ngài, không đúng.”

“Tâu đại vương, vì lý do gì?”

“Thưa ngài, vì sự liên tục của cơn mưa.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế cái hồ nước Chánh Pháp cao quý trong Giáo Pháp của đấng Chiến Thắng được tràn đầy nước mới không ô nhiễm là tánh hạnh, giới đức, phạm sự, và sự thực hành, trong khi sẽ được vượt lên, chế ngự điểm tận cùng của hiện hữu, rồi tồn tại. Nếu những người con trai của đức Phật trong Giáo Pháp này có thể liên tục, có thể đổ xuống tuần tự cơn mưa từ đám mây tánh hạnh, giới đức, phạm sự, và sự thực hành, như thế hồ nước Chánh Pháp cao quý trong Giáo Pháp của đấng Chiến Thắng có thể tồn tại thời gian lâu dài, và thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán. Liên quan đến ý nghĩa này là điều đã được đức Thế Tôn nói đến rằng: **‘Này Subhadda, nếu các tỳ khuru này sống chân chánh, thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán.’**

3. Tâu đại vương, hơn nữa ở đây trong khi đồng lửa lớn đang rực cháy, người ta tuần tự đem lại các thứ cỏ, củi, phân bò khô. Tâu đại vương, phải chăng khối lửa ấy có thể nguội tắt?”

“Thưa ngài, không đúng. Khối lửa ấy có thể rực cháy hơn nữa, có thể tỏa sáng còn nhiều hơn nữa.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế Giáo Pháp cao quý của đấng Chiến Thắng rực cháy, tỏa sáng ở mười ngàn thế giới với tánh hạnh, giới đức, phạm sự, và sự thực hành. Tâu đại vương, nếu những người con trai của đức Phật được hội đủ năm chi phần của sự nỗ lực, thường xuyên không bị xao lãng, có thể nỗ lực còn hơn thế nữa, có thể học tập với lòng ước muốn đã được sanh khởi về Tam Học, có thể làm đầy đủ một cách trọn vẹn về sự thực hành và sự kiêng cử về giới, như thế Giáo Pháp cao quý này của đấng Chiến Thắng có thể tồn tại thời gian lâu dài còn hơn thế nữa, và thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán. Liên quan đến ý nghĩa này là điều đã được đức Thế Tôn nói đến rằng: **‘Này Subhadda, nếu các tỳ khuru này sống chân chánh, thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán.’**

4. Idha pana mahārāja siniddhasamasumajjitasappabhaṃ suvimalādāsaṃ¹ saṅhasukhumagerukacuñṇena aparāparaṃ majjeyyūṃ. Api nu kho mahārāja tasmim ādāse malakaddamarajojallaṃ jāyeyyā ”ti?

“Na hi bhante aññadatthu vimalataraṃ yeva bhavyeyyā ”ti.

“Evameva kho mahārāja jinasāsanavaraṃ pakatinimmalaṃ vyapagata-malakilesarajojallaṃ. Yadi taṃ buddhaputtā ācārasīlaguṇavattapaṭipattisallekhadhutaguṇena jinasāsanavaraṃ sallikheyūṃ,² evamidaṃ jinasāsanavaraṃ ciraṃ dīghamaddhānaṃ tiṭṭheyya, asuñño ca loko arahantehi assā ’ti imamattaṃ bhagavatā sandhāya bhāsitaṃ: **‘Ime ca subhadda bhikkhū sammā vihareyyūṃ, asuñño loko arahantehi assā ’ti.** Paṭipattimūlakaṃ mahārāja satthusāsaṃ paṭipattisāraṃ³ paṭipattiyā anantarāhitāya tiṭṭhatī ”ti.

“Bhante nāgasena **saddhammantaradhāna** ’ti yaṃ vadesi, katamantaṃ saddhammantaradhāna ”ti?

“Tīṇimāni mahārāja sāsānantaradhānāni. Katamāni tīṇi? Adhigamantaradhānaṃ, paṭipattantaradhānaṃ, liṅgantārādhanānaṃ. Adhigame mahārāja antarahite suppaṭipannassāpi dhammābhisamayo na hoti. Paṭipattiyā antarahitāya sikkhāpadapaññatti antarahāyati. Liṅgaṃ eva tiṭṭhati. Liṅge antarahite pavenūpacchedo hoti. Imāni kho mahārāja tīṇi antarahānāni ”ti.

“Suviññāpito bhante nāgasena pañho gambhīro uttānikato, gaṇṭhi bhinnā, natṭhā parappavādā bhaggā nippabhā katā, tvam gaṇivara-vasabhamāpajjā ”ti.

Saddhammantaradhānapañho sattamo.

¹ °sappabhāsavimalādāsaṃ - Ma, PTS.

² sallakkheyūṃ - Ma.

³ paṭipattikāraṇaṃ - Ma.

4. Tàu đại vương, hơn nữa ở đây họ có thể đánh bóng tuần tự tấm gương trơn tru, bằng phẳng, khéo được đánh bóng, có ánh sáng, hoàn toàn trong sáng, bằng bột phấn đỏ mềm và mịn. Tàu đại vương, phải chăng vết bẩn, bụi, bụi bặm có thể hiện lên ở tấm gương ấy?”

“Thưa ngài, không đúng. Ngược lại, nó còn trở nên trong sáng hơn nữa.”

“Tàu đại vương, tương tự y như thế Giáo Pháp cao quý của đấng Chiến Thắng, tự nhiên vốn không có vết nhơ, đã xa lìa hẳn vết nhơ và bụi bặm phiền não. Nếu những người con trai của đức Phật có thể nhân nại thực hành Giáo Pháp cao quý của đấng Chiến Thắng với tánh hạnh, giới đức, phạm sự, sự thực hành, đức tánh khổ hạnh, và pháp giữ bỏ, như thế Giáo Pháp cao quý này của đấng Chiến Thắng có thể tồn tại thời gian lâu dài, và thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán;’ điều đã được đức Thế Tôn nói rằng: **‘Này Subhadda, nếu các tỳ khuru này sống chân chánh, thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán’** là có liên quan đến ý nghĩa này. Tàu đại vương, Giáo Pháp của bậc Đạo Sư có căn bản là sự thực hành, có cốt lõi là sự thực hành, còn tồn tại khi nào sự thực hành chưa bị biến mất.”

“Thưa ngài Nāgasena, điều ngài nói là: **‘Sự biến mất của Chánh Pháp,’** sự biến mất của Chánh Pháp ấy là gì?”

“Tàu đại vương, đây là ba sự biến mất của Giáo Pháp. Ba điều gì? Sự biến mất của việc chứng đắc, sự biến mất của việc thực hành, sự biến mất của tướng mạo. Tàu đại vương, khi việc chứng đắc bị biến mất, thì ngay cả đối với những người thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội Giáo Pháp. Khi việc thực hành bị biến mất, thì điều học và sự quy định bị biến mất, chỉ còn hình tướng tồn tại. Khi hình tướng bị biến mất, thì có sự đứt đoạn của truyền thống. Tàu đại vương, đây là ba sự biến mất của Giáo Pháp.”

“Thưa ngài Nāgasena, câu hỏi thâm sâu đã khéo được giảng giải, đã được làm rõ, nút thắt đã được mở ra, lời tuyên thuyết của ngoại đạo đã bị hư hoại, đã bị đổ vỡ, đã được làm cho không còn hào quang, ngài đã tiến đến vị thế cao quý nhất trong số các vị có đồ chúng.”

Câu hỏi về sự biến mất của Chánh Pháp là thứ bảy.
